

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 117/2018/HN-ST

Ngày: 15/11/2018

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lê Văn Tám**;

- Ông **Cao Châu Tiếp**;

Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền** – cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: **Không tham gia**.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2018, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** **Lê Văn N**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Lê Văn N tự nguyện sống chung với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Quí, thị xã Cai Lay cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 20/4/1998. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau về lối sống, thường xuyên gây gổ nhau, chị và anh N cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm để nuôi dạy con nhưng không thể hàn gắn được, nay chị thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị H và anh N có với nhau 03 con chung gồm: Lê Chí H, sinh ngày 23/6/1994; Lê Chí A, sinh ngày 26/9/2006 và Lê Chí B, sinh ngày 01/12/2010

hiện đang sống với Chị H, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 cháu Hải và Hoài, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn N vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của Chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh N tự nguyện sống chung với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, ngày 20/4/1998 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] Về nội dung: Chị H đã có đơn xin vắng mặt với lý do chị bận đi làm ăn xa, tại đơn xin ly hôn cũng như bản tự khai chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, nguyên nhân do không hợp nhau về lối sống, thường xuyên gây gổ nhau, chị và anh N nhiều lần hòa giải để đoàn tụ để nuôi dạy con nhưng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Xét thấy, mâu thuẫn anh chị xảy ra từ năm 2015 nhưng không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng. Mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và cuộc sống chung với nhau không hạnh phúc. Về tình cảm anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Tòa án nhiều lần mời anh N đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa Chị H, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn của Chị H là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có với nhau 03 con chung gồm: Lê Chí H, sinh ngày 23/6/1994 (Đã trưởng thành); Lê Chí A, sinh ngày 26/9/2006 và Lê Chí B, sinh ngày 01/12/2010 hiện đang sống với Chị H, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 cháu Hải và Hoài, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, xét nguyện vọng của 02 cháu được sống với mẹ và yêu cầu của Chị H có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 các Điều 81, 82, 83 ,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

- **Về tình cảm:** Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn N.

- **Về con chung:** Giao Chị H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Chí A, sinh ngày 26/9/2006 và Lê Chí B, sinh ngày 01/12/2010 hiện đang sống với Chị H. Anh Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về án phí HNST:**

Chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0001837 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy. Như vậy xem như Chị H đã nộp xong.

Chị H và anh N có quyền kháng cáo kể từ khi Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Đường sự ;
- UBND xã Nhị Quí;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp

